**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT THỦY ĐIỆN HYTECO**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT THỦY ĐIỆN HYTECO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HYTECO HYDROPOWER ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HYTECO., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108065570

**3. Ngày thành lập:** 20/11/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6, ngõ 69A Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0243.550.1748/ 0983.101.494* Fax: *0243.550.1748*

Email: *hytecojsc@gmail.com* Website: *http://hyteco.com.vn*

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|---|---|---|
| 1. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác | *4659* |
| 2. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp | *4653* |
| 3. | Chuẩn bị mặt bằng | *4312* |
| 4. | Hoàn thiện công trình xây dựng | *4330* |
| 5. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) | *4931* |
| 6. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô | *4932* |
| 7. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác | *4390* |
| 8. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>(không bao gồm đấu giá) | *4610* |
| 9. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm | *4651* |
| 10. | Sản xuất các cấu kiện kim loại | *2511* |
| 11. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | *2599* |
| 12. | Sản xuất thiết bị điện khác | *2790* |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | *4663* |
| 14. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | *2592* |
| 15. | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy) | *2811* |
| 16. | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác | *2813* |

| | | |
|---|---|---|
| 17. | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động | *2814* |
| 18. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp | *2816* |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí | *4322* |
| 20. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác | *4329* |
| 21. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp | *3320(Chính)* |
| 22. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình<br>Thiết kế điện - cơ điện công trình<br>Thiết kế cấp thoát nước<br>Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt<br>Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;<br>Thiết kế phòng cháy - chữa cháy<br>Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện<br>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình<br>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ<br>Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi<br>Khảo sát địa hình<br>Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình<br>Tư vấn đấu thầu; Tư vấn lập hồ sơ mời thầu;<br>Tư vấn quản lý dự án xây dựng<br>Tư vấn trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng gồm: Tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng, dự toán gói thầu xây dựng, định mức xây dựng, giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng, chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng, thanh toán và quyết toán hợp đồng xây dựng; thanh toán và quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; | *7110* |
| 23. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn | *3311* |
| 24. | Sửa chữa máy móc, thiết bị | *3312* |
| 25. | Sửa chữa thiết bị khác | *3319* |
| 26. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông | *4652* |
| 27. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp | *2821* |
| 28. | Sản xuất máy chuyên dụng khác | *2829* |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện | *4321* |
| 30. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu | *7490* |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá. | *8299* |
| 32. | Phá dỡ | *4311* |
| 33. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu | *3290* |
| 34. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học | *3313* |

| | | |
|---|---|---|
| 35. | Sửa chữa thiết bị điện | *3314* |
| 36. | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện<br>Chi tiết: Sản xuất và phân phối điện. | *3510* |
| 37. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu | *4669* |
| 38. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | *4290* |
| 39. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô | *4933* |
| 40. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu | *6619* |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | PHÙNG VĂN TỰ | Đội 4 thôn Bàn Mạch, Xã Lý Nhân, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 | 135614937 | |
| | | | Tổng số | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 | | |
| 2 | NHÂM GIA TUẤN | P2-A7, TT Cơ khí Thủy lợi, Yên Ngưu, Thị Trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 | 034069002105 | |
| | | | Tổng số | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 | | |
| 3 | NGUYỄN LAM ĐIỀN | Số 26 phố Chùa Thông, Phường Sơn Lộc, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 | 112113948 | |
| | | | Tổng số | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 | | |
| 4 | TRẦN NGỌC TÂN | Thôn Quang Trung, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 | 111647085 | |
| | | | Tổng số | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 | | |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | NGÔ THỊ THANH NGA | 5A-G8, Khu B, Tập thể Đại học Mỏ Địa Chất, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 | 022181000018 | |
| | | | Tổng số | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 | | |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)* | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

***** Họ và tên: NGÔ THỊ THANH NGA Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *04/09/1981* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *022181000018*

Ngày cấp: *23/08/2013* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *5A-G8, Khu B, Tập thể Đại học Mỏ Địa Chất, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Căn 2202, tòa nhà N04B-T2, Khu Đoàn ngoại giao, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội